

## 5 LOÀI GIUN TRÒN (NEMATODA: THELASTOMATOIDEA) KÝ SINH Ở ĐẾ DŨI (*GRYLLOTALPA AFRICANA*) VIỆT NAM

PHẠM VĂN LỰC

*Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam*

Nghiên cứu giun tròn ký sinh ở côn trùng nói riêng và động vật không xương sống nói chung ở Việt Nam chỉ mới được tiến hành trong khoảng hai chục năm trở lại đây. Trong số các loài côn trùng đã được nghiên cứu, loài đế dũi - *Grylotalpa africana* là loài được nghiên cứu với số lượng cá thể nhiều hơn cả. Đã tiến hành thu thập, mổ khám gần 200 cá thể đế dũi thu bắt từ các địa phương một số tỉnh phía Bắc Việt Nam để nghiên cứu về thành phần loài giun tròn ký sinh của chúng. Dưới đây xin giới thiệu 5 loài trong số những giun tròn ký sinh thuộc liên họ Thelastomatoidea đã phát hiện được ở đế dũi Việt Nam.

Giun tròn liên họ Thelastomatoidea là một trong hai liên họ của Bộ Oxyurida, thường được gọi là giun kim. Giai đoạn trưởng thành, giun ký sinh trong cơ thể vật chủ là những động vật không xương sống mà chủ yếu là động vật chân khớp. Nhóm giun tròn này được coi như không liên quan gì đến các giun tròn liên họ Oxyuroidea ký sinh ở động vật có xương sống. Về phân loại các họ, phân họ, giống của liên họ Thelastomatoidea các nhà phân loại giun tròn thế giới có một số ý kiến khá khác nhau như: Kloss (1960), Skrjabin và cs. (1966), Poinar (1977), Adamson & Van Waerebeke (1985), Adamson (1989). Tuy nhiên, theo Adamson & Van Waerebeke (1992) mô tả cơ sở của nhiều giống giun tròn thuộc liên họ Thelastomatoidea trước đã sử dụng những dẫn liệu cũ và nhiều sự điều chỉnh đã được tiến hành thiếu sự kiểm tra các mẫu chuẩn; những thay đổi về vị trí phân loại học của giun tròn đã không thường xuyên có được sự thận trọng. Do vậy, trong công trình của mình hai tác giả đã đưa ra ý kiến xem xét lại những loài và giống trong liên họ Thelastomatoidea. Theo đó, các tác giả đã thừa nhận sắp xếp của Adamson năm 1989, chia liên họ Thelastomatoidea gồm 5 họ: Thelastomatidae,

Protrelloididae, Hystrignathidae, Travassosinematidae và Pseudonymidae. 3 họ đầu được xác định về cơ bản giống với đề xuất của Chitwood (1932). Họ Travassosinematidae tương đương với họ Chitwoodiellidae của Spiridonov (1984a) và họ Pseudonymidae đại thể tương đương với phân họ Gyoecryiinae của Poinar (1977).

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đế dũi được thu bắt tại các khu trồng lúa, hoa màu của các địa phương: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Vĩnh Phúc và được các chuyên gia côn trùng của Viện Động vật học, Sand Peterburg giúp định loại. Các ký sinh trùng được thu thập bằng phương pháp mổ khám trực tiếp dưới kính hiển vi soi nổi theo phương pháp mổ khám toàn diện của Skrjabin. Giun tròn được bảo quản trong dung dịch formalin 4-6%. Mẫu vật nghiên cứu được tiến hành phân tích trên các tiêu bản tạm thời, một số được làm và lưu giữ dưới dạng tiêu bản cố định.

Các cá thể giun tròn được đo, vẽ, mô tả trên kính hiển vi nghiên cứu Zeiss Axyolab của Đức và Olympus CH40 của Nhật. Mẫu vật nghiên cứu được bảo quản tại Phòng Ký sinh trùng học, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, một số tiêu bản cố định được lưu giữ tại Viện Ký sinh trùng, Viện Hàn lâm khoa học Nga, Matxcova.

Về vị trí phân loại các giun tròn này chúng tôi theo sắp xếp mới của Adamson M. L. & Van Waerebeke D. (1992).

### I. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả mổ khám trên gần 200 cá thể đế dũi (*Grylotalpa africana*) đã thu được khá nhiều mẫu giun tròn ký sinh thuộc bộ Oxyurida. Dưới đây là mô tả 5 trong số những loài giun tròn thu

được thuộc liên họ Thelastomatoidea, bao gồm: *Chitwoodiella ovofilamenta*, *Singhiella singhi*, *Mirzaiella asiatica*, *Indiana coimbutoriensi* và *Gryllophila skrjabini*. Đây là những loài giun tròn ký sinh lần đầu tiên được phát hiện và mô tả trên động vật không xương sống Việt Nam.

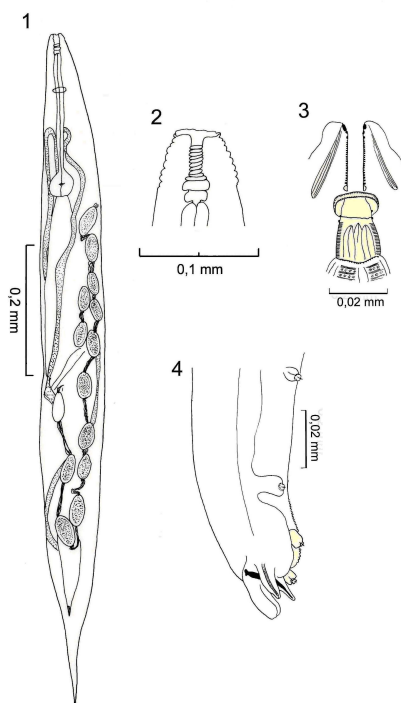
HỌ TRAVASSOSINEMATIDAE RAO, 1958

**1. Loài *Chitwoodiella ovofilamenta* Basir, 1948 (hình 1)**

Vật chủ: Dế dũi (*Grylotalpa africana*).

Nơi ký sinh: Ruột.

Nơi phát hiện: Hà Nội (Thường Tín, Hà Đông), Lai Châu (Sìn Hồ).



**Hình 1.** *Chitwoodiella ovofilamenta* Basir, 1948

1. Hình dạng chung của con cái; 2. Phần đầu; 3. Cấu trúc xoang miệng; 4. Phần đuôi và gai sinh dục của con đực.

Mô tả: Con cái: Cơ thể dài 1,11-2,15 mm, chỗ rộng nhất 0,2 mm. Có hệ thống gồm 10 vạch (vân) ngang ở vùng đầu-cổ. Vòng cutin đầu tiên rộng 0,01 mm, chiều rộng những vòng cutin còn lại 0,053 mm. Lỗ miệng tròn, vùng môi nhô và được phủ bởi 8 nhú đơn giản, có Amphid. Khoang miệng hình trụ, dài 0,053 mm, có hệ vạch trong toàn bộ chiều dài, nửa trước các vạch này rất mảnh, nửa sau đậm hơn,

khoảng cách phân chia lớn hơn và có số lượng vạch ít hơn. Chiều rộng xoang miệng 0,01-0,018 mm. Thực quản hình trụ với điều thực quản hình tròn, dài 0,3-0,475 mm, bao gồm thân dài 0,022-0,037 mm, chỗ rộng nhất 0,030 mm, eo dài 0,022-0,025 mm, rộng 0,020 mm. Phía cuối điều (hành) thực quản có van dài 0,060-0,080 mm, rộng 0,06-0,085 mm. Vòng thân kinh nằm cách nút đầu 0,105-0,18 mm. Ruột ở phía trước mở rộng có dạng một cái túi. Hậu môn ở cách nút đuôi 0,15-0,29 mm. Đuôi dạng chóp với nút đuôi ngắn và nhọn. Lỗ sinh dục (vulva) hơi lồi lên, nằm cách nút đầu 1,25 mm. Cơ quan sinh sản kép, với âm đạo ngắn hướng về phía trước, cả hai buồng trứng nằm trong vùng thực quản, phía sau vòng thân kinh. Trứng hình elip, kích thước 0,08 × 0,04 mm, đã phân chia trước khi thải ra. Trứng được thải ra dưới dạng chuỗi, hợp nhất với nhau từng đôi nhờ những sợi tơ xuất phát từ cả hai cực.

Con đực: Kích thước cơ thể nhỏ hơn con cái, dài 1,300-1,480 mm, chỗ rộng nhất 0,11-0,12 mm. Cơ thể hầu như hình trụ, phía trước thu hẹp ở vùng thực quản và phía sau ở vùng đuôi. Xoang miệng hình tam giác. Vùng môi phủ 4 nhú rất nhỏ. Amphid quan sát thấy. Xoang miệng dài 0,302 mm (gần bằng 1/4 chiều dài cơ thể), gồm thân trụ dài 0,23 mm và rộng 0,02 mm, isthmus dài 0,02 mm, rộng 0,01 mm và hành thực quản có van, dài 0,05 mm, rộng 0,045 mm. Xoang miệng giống ở con cái, có hệ vạch, chiều dài đạt 0,03 mm, rộng nhất 0,01 mm. Vòng thân kinh nằm ở khoảng giữa thực quản, cách nút đầu 0,145 mm. Lỗ bài tiết nằm hơi dịch xuống dưới gốc thực quản. Ruột phía trước mở rộng có dạng một cái túi hẹp. Hậu môn nằm cách nút đuôi 0,034 mm. Có một tinh hoàn nằm cách gốc thực quản 0,23 mm. Đuôi tròn tù, hình ngón tay, cánh đuôi thể hiện rõ. Có 5 đôi nhú sinh dục (núm đuôi), trong số đó có 3 đôi trước lỗ huyết, và 2 đôi sau huyết. Hai đôi sau cùng thấy rõ cuống; đôi nhú trước huyết trước nằm ở mặt bụng cách lỗ huyết 0,07 mm về phía trước, cặp sau ở mặt bên, cách lỗ huyết 0,05 mm về phía trước, cặp thứ ba cũng nằm ở phía bụng, cách lỗ huyết 0,01 mm về phía trước. Cuống của các nhú trước huyết rất ngắn. Ngoài các nhú sinh dục đuôi này ra, gai sinh dục là một cái mấu hình que tương đối tù, nằm ở giữa phía mặt bụng, nhô lên từ đuôi ngay sau hậu môn, chiều dài mấu 0,018 mm.

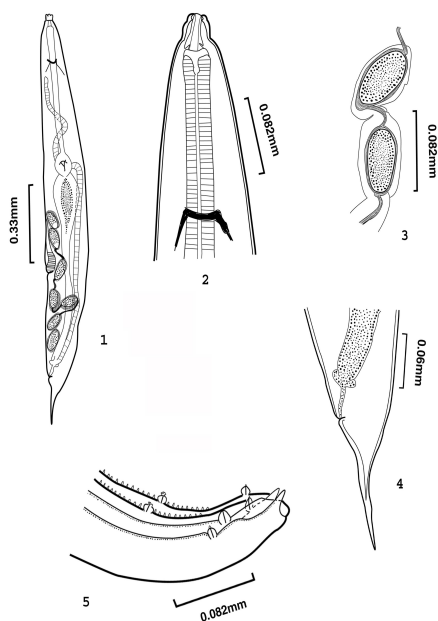
## 2. Loài *Singhiella singhi* Rao, 1958 (hình 2)

Vật chủ: Dế dũi (*Grylotalpa africana*).

Nơi ký sinh: ruột.

Nơi phát hiện: Hà Nội (Từ Liêm, Hà Đông, Thường Tín).

Mô tả: Con cái: Cơ thể hình thoi, kích thước nhỏ. Chiều dài cơ thể 1,590-2,006 mm, chiều rộng 0,034-0,038 mm. Cutin nhẵn và không có gai. Xoang miệng với vùng môi khỏe, cao 0,022 mm. Miệng rộng, dài 0,045 mm, bao gồm 2 phần: phần trước nhọn, hình trụ và phần trung gian rộng hơn, hình trái tim. Thực quản rất hẹp, dài 0,061-0,069 mm, phần thân dài với isthmus (eo) nhỏ và hầu như rộng bằng phần thân. Điều (hành) thực quản tròn, nhỏ kích thước 0,071 mm. Vòng thần kinh ở khoảng cách 1/3 về phía trước thân thực quản và cách nút đầu 0,221 mm. Cơ quan sinh dục cái (vulva) nằm cách nút đầu 1,256 mm. Trứng hình elip, kích thước 0,036-0,065 mm. Đuôi hình cái trâm với nút đuôi nhọn, dài 0,113-0,243 mm.



Hình 2. *Singhiella singhi* Rao, 1958

1. Hình dạng chung con cái; 2. Phần đầu;
3. Hình dạng trứng; 4. Phần đuôi con cái;
5. Phần đuôi con đực.

Con đực: Cơ thể có chiều dài 1,105-1,45mm, rộng 0,07mm, với nút đuôi cong. Cutin nhẵn, không có cánh bên. Môi không thể hiện rõ. Miệng rộng, dài 0,03mm, bao gồm 3

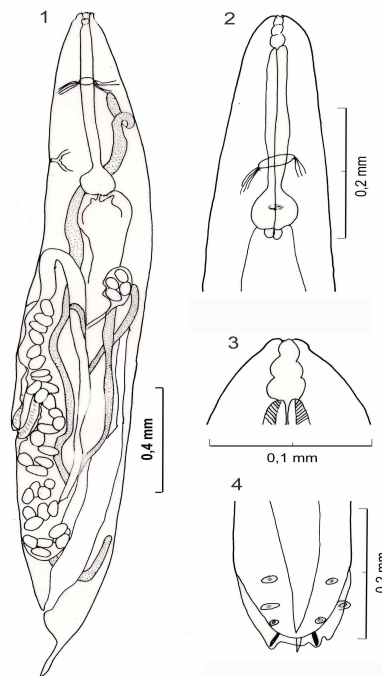
phần. Thực quản dài, thân thực quản hình trụ, với eo thể hiện rõ và hành hình quả lê. Chiều dài chung của thực quản 0,320-0,352 mm, kích thước thân thực quản 0,247 × 0,019 mm; eo 0,11 mm, đường kính hành thực quản 0,045 mm. Ruột thẳng. Vòng thần kinh nằm ở gần chính giữa thân thực quản, cách nút đầu 0,162 mm. Lỗ bài tiết không quan sát thấy. Mút đuôi cụt, có một khoang rộng ở chóp, lỗ huyết mở ra ở đáy khoang này. gai sinh dục không có. Trên bề mặt bụng của một phần ba cơ thể ở phía sau, cách nút đuôi 0,536 mm xuất hiện những sọc ngang, nhìn nghiêng có dạng như những nhú rất nhỏ. Dọc hai bên nút đuôi có 2 nhú lớn, từ 2 nhú này hình thành 2 cánh nhỏ, kéo dài đến khoang hậu môn. Ở bề mặt bụng, trước nhú bên một chút có một cặp nhú nhỏ, nhú trước hậu môn nằm cách nút đuôi 0,065 mm. Tinh hoàn dẫn đến giữa cơ thể và gấp ngược lại ở vị trí cách nút đầu 0,53 mm.

## 3. Loài *Mirzaiella asiatica* Basir, 1942 (hình 3)

Vật chủ: Dế dũi - *Grylotalpa africana*.

Nơi ký sinh: Ruột.

Nơi phát hiện: Hà Nội (Từ Liêm, Thường Tín).



Hình 3. *Mirzaiella asiatica* Basir, 1942

1. Hình dạng chung của con cái; 2. Phần đầu;
3. Cấu trúc xoang miệng; 4. Phần đuôi con đực.

Mô tả: Con cái: Cơ thể dài 2,53(2,091-2,809) mm, chỗ rộng nhất 0,375(0,254-0,451) mm. Cuticun chỉ phân đốt ở đoạn cơ thể trước vòng thân kinh. Lỗ miệng gần như có hình tam giác, nằm giữa 3 môi khá phát triển: 1 môi lưng và 2 môi dưới bụng. Môi lưng mang 2 núm rất nhỏ nằm gần bờ ngoài của môi. Mỗi môi dưới bụng mang một núm ở mặt dưới bụng và một cơ quan đường bên. Lỗ của cơ quan đường bên rất nhỏ và khó phân biệt. Khoang miệng được cấu tạo từ hai phần độc lập nhau hầu như bằng nhau về kích thước. Thực quản dài 0,654(0,566-0,746) mm, chiếm gần 1/4 chiều dài cơ thể, gồm phần thân, hơi mở rộng ở phía trước và thu hẹp dần về phía sau đến hành. Eo dài 0,01 mm, rộng 0,03 mm, hành thực quản dài 0,11 mm, rộng 0,12 mm. Vòng thân kinh cách nút đầu 0,298(0,254-0,353) mm. Lỗ bài tiết đổ ra ở vị trí hơi cao hơn hành thực quản một chút, cách nút đầu cơ thể 0,565 mm. Ruột được mở rộng ở phần trước hình thành một hang vị rất rõ. Hậu môn cách nút đuôi 0,212 mm. Lỗ sinh dục nằm cách nút đầu 1,708(1,640-1,743) mm. Hai buồng trứng, buồng trước xuất phát ở vùng thực quản phía sau vòng thân kinh, buồng sau chạy đến sát hậu môn, có con vượt qua hậu môn. Trứng hình ovan, kích thước 0,067(0,062-0,072) × 0,040(0,037-0,043) mm. Trứng có bó tơ ở hai cực, được thải ra ngoài trong những bọc chứa dịch nhầy. Mỗi bọc chứa từ 1 đến 3 trứng. Đuôi tù, dài 0,230(0,139-0,303) mm, gốc đuôi rộng 0,131(0,082-0,156) mm.

Con đực: Chưa phát hiện.

#### 4. Loài *Indiana coimbutoriensis* Latheef & Seshadri, 1972 (hình 4)

Vật chủ: Dế dũi (*Gryllotalpa africana*).

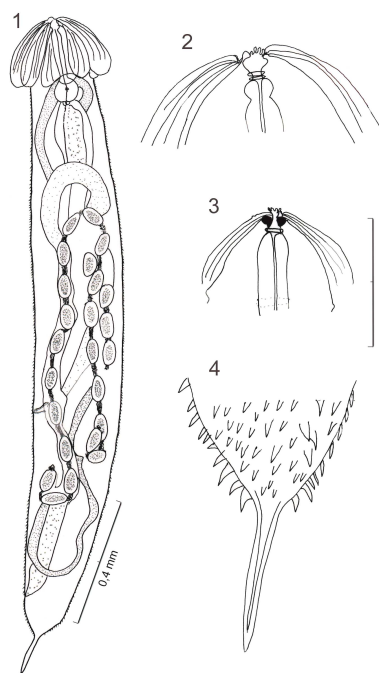
Nơi ký sinh: Ruột.

Nơi phát hiện: Hà Nội (Thường Tín).

Mô tả: Con cái: Cơ thể ngắn, mập có hình điệu xì gà và dài 1,900-2,215 mm, bề mặt cutin được phủ toàn gai nhọn, chỗ rộng nhất của cơ thể 0,030 mm. Vùng đầu được bao phủ bởi 12 cánh cuticun đặc trưng tạo thành hình như một cái ô. Độ lớn của các cánh này khác nhau, 6 cánh dài và 6 cánh ngắn hơn, chiều dài chung của các cánh là 0,205 mm. Ở nút đầu các cánh này chuyển thành phần lõi cuticun bao phủ lỗ miệng. Biểu bì sau phân cánh có những hàng móc ngang, cutin hoá mạnh. Phía sau các cánh

có chiều rộng đến 0,060-0,065 mm. Chiếc “ô” này được kết thúc ở đúng chỗ thắt của thực quản. Phần lớn cơ thể được bao phủ bởi những gai cutin cao 0,004-0,006 mm, ở phía bên trên nút đuôi những gai này thể hiện rõ với chiều cao 0,010-0,014 mm. Số lượng chính xác của các hàng gai này rất khó xác định bởi vì trật tự đặc biệt của chúng không thể quan sát được. Thực quản ngắn, dài 0,250 mm, phần thân hơi có dạng hình thoi, có chiều dài 0,143 mm và điều (hành) thực quản dài 0,071 mm, rộng 0,0725 mm. hình tròn trong có van tiêu hóa (tấm nhai), eo (isthmus) thể hiện rõ. Đuôi dài 0,210 mm. Hệ sinh dục cái lưỡng tính. Tử cung chứa đầy trứng. Trứng được hợp lại thành chuỗi như những mắt xích nhờ hệ thống những sợi tơ đặc biệt xuất phát từ hai cực. Trứng hình ovan, kích thước 0,076-0,083 × 0,043-0,045 mm.

Con đực: Chưa phát hiện.



**Hình 4.** *Indiana coimbutoriensis* Latheef & Seshadri, 1972

1. Hình dạng chung của con cái; 2, 3. Phần đầu con cái; 4. Phần đuôi con đực.

HỌ THELASTOMATIDAE TRAVASSOS, 1929

#### 5. Loài *Gryllophila skrjabini* (Sergiev, 1923) Basir, 1956 (hình 5)

Synonyms: *Thelastoma skrjabini* Sergiev; *Gryllophyla skrjabini* (Sergiev) Basir, 1956;

*G. gryllophila* Basir, 1942; *Neyraiella neyrae* Serrano Sanchez, 1947; *G. neyrai* (Serrano Sanchez) Jarry, 1964; *G. skrjabini oviopolita* Theodorides, 1953; *G. khehariae* Singh & Singh, 1955.

Vật chủ: Dế dũi (*Grylotalpa africana*).

Nơi ký sinh: ruột.

Nơi phát hiện: Lai Châu (Sing Hồ), Hà Nội (Thường Tín).

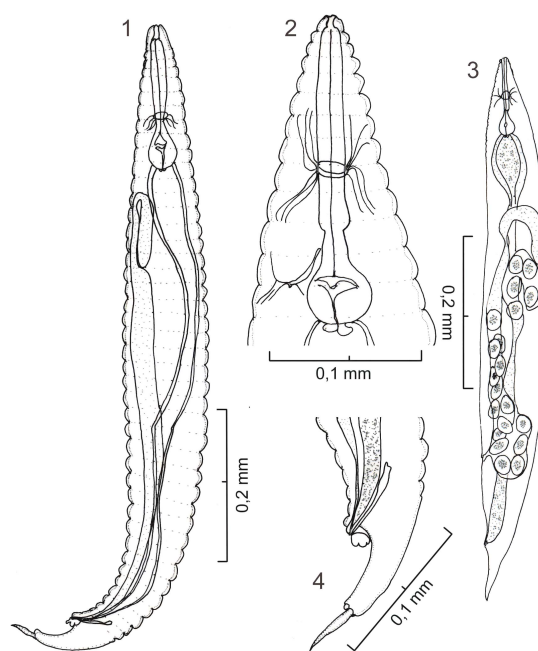
Vào năm 1923 Sergiev đã mô tả loài *Thelastoma skrjabini* trên những cá thể giun cái thu được từ dế dũi. Năm 1942, cũng từ dế dũi nhưng thu được ở Ấn Độ, Basir đã mô tả giống mới *Gryllophyla* với loài điển hình là *Gryllophyla gryllophila*. Còn vào năm 1953, Theodorides đã xếp loài *G. gryllophila* tương đồng với loài *Thelastoma skrjabini*. Đến năm 1956, Basir tách loài *Thelastoma skrjabini* từ giống *Thelastoma* và coi là loài chuẩn của giống *Gryllophyla*. Chúng tôi theo cách sắp xếp của Adamson và Waerebeke (1992), đồng ý với tên gọi trên của Basir (1956) cho loài này.

Ngoài ra, Basir còn nhập loài *Neyraiella neyrae* Serrano Sanchez, 1947 thành synonym của loài *G. gryllophila*, loại bỏ chính giống *Neyraiella* và phân họ Neyraiellinae Sanchez, 1947. Tuy nhiên, năm 1966, Skrjabin và cộng sự đã không nhất trí với sự sắp xếp này vì theo họ, giống *Neyraiella* thuộc liên họ Rhigonematoidea chứ không phải thuộc liên họ Thelastomatoidea, vì thế đã xếp loài này là *Thelastoma skrjabini* và sử dụng mô tả của cả hai tác giả trước là Sergiev và Basir.

Mô tả: Con cái: Cơ thể dài 3,005(2,009-3,6490) mm, chỗ rộng nhất 0,395 (0,336-0,4920) mm. Vòng thân kinh cách mút đầu 0,236(0,1927-0,2747) mm. Xoang miệng với lỗ miệng tròn, thành miệng hình trụ, kitin hoá, phần trước và sau của thành miệng dày lên, phần tiếp sau mỏng đi. Lỗ bài tiết nằm phía sau thực quản, cách mút đầu 0,79-0,95 mm. Thực quản dài 0,4814(0,3854-0,6314) mm, phần cơ thực quản dài 0,29 mm, rộng 0,035 mm. Hành thực quản dày, thành trong hoá kitin mạnh, dài 0,1mm, rộng 0,095 mm. Phần ruột già rectum tương đối ngắn. Đoạn trên của ruột phình rộng hình quả lê và chiếm hầu hết chiều rộng cơ thể. Độ dài phần phình của ruột 0,42-0,54 mm, rộng 0,34-0,36 mm. Lỗ sinh dục (vulva) nằm cách

mút đuôi 0,789 mm, kích thước trứng 0,074 × 0,056 mm. Âm đạo gần như nằm ngang, lồi ra ở mặt bụng chia cơ thể giun theo tỷ lệ 4:1. Lỗ huyết ở mặt bụng cách mút đuôi 0,31 mm. Đuôi ngắn hình chóp với mút đuôi nhọn.

Con đực: Cơ thể có cấu tạo hình thái tương tự như ở con cái, trừ các đặc điểm về giới tính. Cơ thể nhỏ, phân đốt, dài 0,967-1,312 mm, chỗ rộng nhất của cơ thể 0,149 mm. Vòng cutin đầu rộng 0,017-0,02 mm. Xoang miệng với lỗ miệng tròn, xoang hình trụ, kích thước 0,024-0,042 mm. Thành miệng hoá kitin mạnh, phần trước và sau dày lên, phần tiếp sau mỏng đi. Vòng thân kinh và lỗ bài tiết (khó quan sát) nằm cách mút đầu cơ thể lần lượt là 0,137 mm và 0,44 mm. Thực quản dài 0,164-0,209 mm, rộng 0,045 mm, eo thắt 0,033 mm. Điều (hành) thực quản dày, thành trong hoá kitin mạnh, dài 0,0542 mm, rộng 0,052 mm. Phần trên ruột phình ra hình quả lê và chiếm hầu như hết chiều rộng cơ thể. Gai sinh dục đơn, dài 0,0624 mm. Nón sinh dục mang một đôi núm rất phát triển. Đuôi hình chóp, uốn cong về phía mặt bụng, dài 0,1373 mm với mucro dài và nhọn.



**Hình 5.** *Gryllophyla skrjabini* (Basir, 1956) Adamson and Waerebeke, 1921

1. Hình dạng chung của con đực; 2. Phần đầu của con đực; 3. Hình dạng chung của con cái; 4. Đuôi của con đực.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Farooqui M. N.**, 1970: Rivista di parassitologia, XXXI(3): 195-214. Settembre.
2. **Latheef M. A., Seshadri A. R.**, 1972: Canadian Journal of Zoology, 50: 1457-1462.
3. **Phạm Văn Lục, Spiridonov S. E.**, 1993: Tuyển tập các công trình nghiên cứu Sinh thái và Tài nguyên sinh vật 1990-1992. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. **Martin L. Adamson, Daniel van Waerebeke**, 1987: Canadian Journal of Zoology, 65(11): 2755-2759.
5. **Martin L. Adamson, Daniel van Waerebeke**, 1992: Systematic Parasitology, 21: 21-63.
6. **Martin L., Daniel van Waerebeke**, 1992: Systematic Parasitology, 21: 169-188.
7. **Odile Bain**, 1965: À Madagascar Annales de Parasitologie (Paris), 40(6): 659-676.
8. **Skrjabin K. I., Schikhobalova N. P. & Lagodovskaya E. A.**, 1966: Moscow: Nauka, 538(in Russian).
9. **Spiridonov S. E.**, 1984a: Byulletin Vsesoyuznogo Instituta Gel'minthologii im. Skrjabina, 39: 80-81 (in Russian).
10. **Secgei E. Spiridonov, Pham Van Luc**, 1994: Russian Journal of Nematology, 2(1): 55-59.
11. **E. S. Ivanova, Pham Van Luc**, 1997: Intenational journal of Nematology, 7(2): 170-173.
12. **Pham Van Luc, Nguyen Vu Thanh, Spiridonov S. E.**, 2008: Asean Journal on Science & Technology for Development, 25(2): 347-354
13. **David J. Hunt, Pham Van Luc and Sergei E. Spiridonov**, 2002: Nematology, 4(7): 829-843.

## 5 PARASITIC NEMATODES SPECIES (NEMATODA: OXYURIDA, THELASTOMATOIDEA) IN THE MOLE-CRIKET (*GRYLLOTALPA AFRICANA*) OF VIETNAM

PHAM VAN LUC

### SUMMARY

Studying of parasite nematodes on invertebrate animals, also including insects has been made for about 20 years ago in Vietnam, such as mole-criset, earthworm, myriapod, cockroach, etc. In this study, total about 200 individuals of mole-criset (*Gryllotalpa africana*) were examined for nematodes parasitic. The mole-criset were caughted from ricefield in some provinces of the Northern Vietnam (Hanoi and Lai Chau). Using the Skrjabin's method to collect parastic nematodes. Preservation of nematodes specimens in 4-6% formaline solution. The nematode specimens were described and measured with a Zeiss Axyolab Microscope (Germany) and Olympus CH40 Microscope (Japan). Preserving this specimens in Institute of Parasitology, Russian Academy of Science, Matxcova.

Thelastomatoidea, usually is called pinworm, is one of two superfamily belonging to Oxyurida order. Their adult stage live in invertebrate animals, mainly arthropod. This nematodes group is not related with the Oxyuroidea which parasiting on vertebrate animals. The superfamily has received little attention from different systematic researchers in the world, for example Kloss (1960), Skrjabin et al. (1966), Poinar (1977), Adamson & Van Waerebeke (1985), Adamson (1989). Therefore Adamson & Van Waerebeke (1992) has divided this superfamily into 5 family Thelastomatidae, Protrelloididae, Hystrignathidae, Travassosinematidae and Pseudonymidae then considered the systematics before. The results of this article are based on Adamson M.L. & Van Waerebeke D.'s taxonomic system.

5 parasitic nematodes were found from the mole-criset's intestine and described in this article, including *Chitwoodiella ovofilamenta* Basir, 1948; *Singhiella singhi* Rao, 1958; *Mirzaiella asiatica* Basir, 1942; *Indiana coimbutoriensis* Latheef & Seshadri, 1972 (Family: Travassosinematidae) and *Gryllophila skrjabini* (Sergiev, 1923) Basir, 1956 (Family: Thelastomatidae). That is the first time 5 parasitic nematodes species parasiting on invertebrate animals in Vietnam are described.

Ngày nhận bài: 10-2-2009